TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MANG THÍT** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02/7/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hùng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đinh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hồng Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp 1, xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Hồng Đ trình bày:

Vào năm 2017 chị Đ và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13/11/2017, theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/2017. Vợ chồng chung sống không có con chung.

Sau khi cưới chị Đ và anh T sống hạnh phúc với nhau được 01 năm 03 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên gây cải do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng, nên giữa chị Đ và anh T đã ly thân từ ngày 17/12/2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai.

Nay chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn lại, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.
- Về con chung: không có
- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/4/2019 chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã thông báo cho bị đơn anh Nguyễn Hoàng T biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu của chị Đ. Nhưng anh T không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải các ngày 26/3/2019, 18/4/2019, phiên tòa ngày 10/6/2019 và phiên toà hôm nay. Mặc dù đã được tống đạt triệu tập hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Hoàng T có nơi cư trú tại xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập tống đạt hợp lệ nhưng bị đơn anh T đều vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh T là đúng theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Xét, giữa chị Đ và anh T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13/11/2017, theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/2017. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của chị Đ và anh T là hợp pháp. Xét, việc chị Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình hai người không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên giữa chị Đ và anh T đã ly thân từ ngày 17/12/2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Đ và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 9, 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: không có, nên không giải quyết.

[2.3] Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 9, 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Hoàng T.

2. Về con chung: không có, nên không giải quyết.

3. Về quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn Trương Thị Hồng Đ phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), số tiền này được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M theo lai thu số: 0006886, ngày 27/02/2019. Nguyên đơn không phải nộp thêm tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã TL, huyện TB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Phước Hùng